



Nội dung “An ninh nguồn nước” trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

TS. NGUYỄN ĐÌNH VIỆT
Ban Tuyên giáo Trung ương



▲ Nội dung “An ninh nguồn nước” được đề cập tại Đại hội lần thứ XIII thể hiện quyết tâm chính trị của Đảng trong việc bảo đảm nguồn nước

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng với chủ đề “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy ý chí và quyết tâm phát triển đất nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu để đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”, là sự kiện chính trị trọng đại của Đảng, đất nước và dân tộc ta, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển của đất nước. Đại hội XIII của Đảng không chỉ đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng mà còn đánh giá cơ đồ, tiềm lực, vị thế đất nước sau 35 năm thực hiện đường lối đổi mới được vạch ra từ Đại hội lần thứ VI năm 1986. Báo cáo chính trị tại Đại hội đánh giá trên 7 phương diện, lĩnh vực về xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; các lĩnh vực văn hóa, xã hội, phát triển con người, quản lý tài nguyên, BVMT và thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH); chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hội nhập quốc tế; xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

Đặc biệt, trong lĩnh vực quản lý tài nguyên, BVMT, lần đầu tiên nội dung “An ninh nguồn nước” (ANNN) được đề cập và nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII đã cho thấy tầm quan trọng của một loại hình an ninh phi truyền thống được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm.

MỘT SỐ CÁCH TIẾP CẬN ANNN

Khái niệm ANNN (Water security) được các nhà hoạch định chính sách quan tâm kể từ Diễn đàn Nước thế giới lần thứ 2 diễn ra tại La Hay, Hà Lan, tháng 3/2000. Tại Diễn đàn này, Tổ chức Cộng tác vì nước toàn cầu (Global Water Partnership GWP), với báo cáo “Hướng đến ANNN: khung chương trình hành động”, đã đưa ra khái niệm tổng hợp về ANNN trên cơ sở xem xét khả năng tiếp cận nước với chi phí hợp lý đáp ứng các nhu cầu của con người và hệ sinh thái, hướng đến mục tiêu quản lý nước toàn diện, cân bằng giữa bảo vệ tài nguyên và sử dụng tài nguyên. Tại phiên họp Hội nghị cấp Bộ trưởng, các Bộ trưởng và Trưởng phái đoàn của 130 quốc gia cũng đã thống nhất ban hành Tuyên bố cấp Bộ trưởng về ANNN trong thế kỷ 21, trong đó bao gồm nội hàm khái niệm ANNN và 7 thách thức chính cần giải quyết để bảo đảm ANNN. Kể từ đó đến nay, thuật ngữ “ANNN” và các vấn đề về ANNN ngày càng được các quốc gia cũng như các tổ chức quốc tế trên thế giới quan tâm, sử dụng rộng rãi. Tùy vào đặc thù của mỗi



quốc gia, một số quốc gia ban hành chiến lược, kế hoạch, khung quốc gia về ANNN (Úc, Nam Phi, UAE...); một số lồng ghép ANNN trong các quy hoạch, chương trình hành động, kế hoạch phát triển quốc gia (Israel, Singapore, Trung Quốc...) hoặc tăng cường bảo đảm ANNN trong các lĩnh vực tối quan trọng, ưu tiên như cấp nước sinh hoạt (Mỹ, Liên minh EU...). Thậm chí, một số chiến lược về ANNN cho khu vực hay mang tính toàn cầu cũng đã được xây dựng như Chiến lược ANNN cho vùng Ả Rập giai đoạn 2021-2030 do Hội đồng Nước cấp Bộ trưởng các quốc gia vùng Ả Rập xây dựng năm 2010, Chiến lược Nước toàn cầu do Mỹ xây dựng năm 2017... Tuy nhiên, trong hệ thống pháp luật ở các quốc gia trên thế giới (bao gồm các nước phát triển lẫn đang phát triển) hiện nay hầu như không có định nghĩa pháp lý, giải thích chính thức về thuật ngữ “ANNN”.

Một trong những định nghĩa về ANNN đang được sử dụng phổ biến hiện nay là định nghĩa của Ủy ban về nước - Liên hợp quốc (UN-Water) đề xuất năm 2013. Theo UN-Water, khái niệm “ANNN” được hiểu là “khả năng người dân có thể được đảm bảo bền vững trong tiếp cận đủ lượng nước với chất lượng có thể chấp nhận được để duy trì sinh kế, đời sống con người và phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo việc bảo vệ chống lại ô nhiễm nguồn nước và các thảm họa liên quan đến nước; để bảo tồn các hệ sinh thái trong môi trường hòa bình và ổn định chính trị”. Khái niệm ANNN nêu trên được UN-Water đề xuất nhằm hướng tới một cách hiểu, nền tảng chung về ANNN trong Liên hợp quốc cũng như các thành viên và đối tác của UN-Water trong bối cảnh tồn tại nhiều định nghĩa, cách giải thích khác nhau về ANNN. Theo UN-Water, một định nghĩa chung về ANNN sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc lồng ghép các vấn đề an ninh nước vào đối thoại phát triển quốc tế, đặc biệt là trong việc xây dựng các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs).

Có thể tóm lại, ANNN là vấn đề của toàn thế giới, được nhiều quốc gia quan tâm, nỗ lực giải quyết với 4 trọng tâm chính: Bảo đảm các hệ sinh thái nước ngọt, hệ sinh thái biển và các hệ sinh thái liên quan được bảo vệ và củng cố; Bảo đảm phát triển bền vững và ổn định chính trị; Mọi người dân đều được tiếp cận đầy đủ nguồn nước sạch với chi phí hợp lý; Các đối tượng dễ bị tổn thương sẽ được bảo vệ trước rủi ro từ những thảm họa liên quan đến nước.

ANNN TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG

ANNN là loại hình an ninh phi truyền thống có đặc điểm chung bao hàm yếu tố phi quân sự, liên quan đến các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội từ cả bên trong và bên ngoài lãnh thổ, phát tán nhanh, lan tỏa rộng, có tác động đến ổn định, phát triển bền vững của quốc gia. Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có nguồn tài nguyên nước khá phong phú cả về lượng mưa, nguồn nước mặt trong các hệ thống sông, hồ

và nguồn nước dưới đất. Hiện, Việt Nam có 3.450 sông, suối có chiều dài từ 10 km trở lên. Tổng trữ lượng nước mặt của Việt Nam đạt khoảng 830 - 840 tỷ m³, trong đó các sông, suối xuyên biên giới chuyển vào nước ta lượng nước khoảng 520 tỷ m³ (chiếm khoảng 63%).

Về bảo đảm ANNN, trước Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, mặc dù chưa đề cập trực tiếp về ANNN nhưng Đảng, Nhà nước ta luôn xác định ANNN là một trong những nội dung quan trọng, liên quan đến phát triển bền vững và ổn định chính trị, chủ quyền quốc gia, với một hệ thống pháp lý tương đối hoàn chỉnh về phát triển và quản lý sử dụng tài nguyên nước (Luật Tài nguyên nước, Luật Thủy lợi, Luật Phòng chống thiên tai, Luật BVMT...). Các nghị định, thông tư liên quan đến công tác ANNN phục vụ sản xuất, đời sống và an toàn hồ đập cũng đã được xây dựng, cùng với các điều ước quốc tế tạo ra cơ sở pháp lý cho công tác quản lý bảo đảm ANNN và an toàn hồ đập. Đặc biệt, ngày 27/11/2023, trong chương trình Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã chính thức thông qua Luật Tài nguyên nước (sửa đổi). Trong đó, bảo đảm ANNN quốc gia là kim chỉ nam trong quá trình xây dựng đến khi được Quốc hội thông qua Luật Tài nguyên nước. Các chính sách liên quan đến ANNN được thể hiện xuyên suốt trong các Chương, Điều của Luật. Mục tiêu đến năm 2030, hướng tới nâng cao mức bảo đảm ANNN quốc gia lên nhóm các quốc gia đảm bảo an ninh tài nguyên nước hiệu quả trong khu vực Đông Nam Á và tiệm cận với các nước tiên tiến trên thế giới; Bảo đảm số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh trong mọi tình huống, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường và giảm thiểu rủi ro, tác hại từ các thảm họa do con người và thiên nhiên gây ra liên quan đến nước. Trước đó, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, lần đầu tiên Đảng đưa thuật ngữ ANNN vào trong Văn kiện Đại hội. Mặc dù chưa có sự đề cập sâu, toàn diện, nhưng Đại hội XIII cũng đã có những đổi mới, bổ sung nhận thức về ANNN và bảo đảm ANNN.

Cụ thể, trong Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng do đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Trưởng Tiểu ban Văn kiện trình bày đã nhấn mạnh, một trong những phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ Đại hội XIII và những năm tiếp theo là “chủ động, tích cực hợp tác quốc tế trong việc chia sẻ thông tin, phối hợp nghiên cứu, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên, bảo đảm an ninh sinh thái, an ninh môi trường, ANNN, an ninh lương thực, an ninh năng lượng”⁽¹⁾. Trong đó, bảo đảm số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh trong mọi tình huống; đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, kinh doanh của các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các ngành kinh tế quan trọng, thiết yếu; mọi người dân, mọi đối tượng được tiếp cận, sử dụng nước công bằng, hợp lý; Chủ động tích trữ,



điều hòa nguồn nước, khai thác, sử dụng hiệu quả đi đôi với bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước; ứng phó hiệu quả với các thảm họa, thiên tai liên quan đến nước, thích ứng với BĐKH; BVMT, khắc phục tình trạng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến rất nhanh, phức tạp, khó dự báo; đất nước đang đứng trước nhiều thời cơ, thuận lợi và nhiều khó khăn, thách thức đan xen, nhiều vấn đề mới đặt ra phải giải quyết; cán bộ, đảng viên, nhân dân đặt niềm tin và kỳ vọng vào những quyết sách đúng đắn, mạnh mẽ của Đảng để phát triển đất nước nhanh và bền vững hơn. Một trong những nhiệm vụ của Đại hội XIII là kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XII gắn với đánh giá tổng quát tiến trình đổi mới. Trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tại Chương IX: Quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, BVMT, chủ động thích ứng với BĐKH, ANNN trở thành chiến lược quốc gia: “Xây dựng chiến lược ANNN quốc gia. Hoàn thiện chính sách, pháp luật, nhất là cơ chế tài chính về khai thác, sử dụng tài nguyên nước bảo đảm công bằng, hiệu quả, bền vững trên nguyên tắc của kinh tế thị trường và quản lý tổng hợp nguồn nước, bảo đảm nghiêm ngặt ANNN, nhất là nước sạch cho sinh hoạt”⁽²⁾ và một lần nữa nội dung bảo đảm ANNN lại được đề cập trong mối quan hệ với quốc tế. Để làm tốt công tác quản lý tài nguyên nước thì vai trò của hợp tác quốc tế là rất quan trọng, nhất là trong bối cảnh BĐKH, gia tăng nhu cầu sử dụng nước và ô nhiễm nguồn nước ngày càng diễn ra phức tạp. Trong Kết luận số 36/KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm ANNN và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, cũng nhấn mạnh cần “Thực hiện hiệu quả các cam kết, điều ước quốc tế liên quan đến ANNN, quản trị và chia sẻ nguồn nước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trọng tâm là các lưu vực sông Mê Kông, sông Hồng - Thái Bình. Tăng cường xây dựng cơ chế hợp tác song phương về quản lý, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới, hoạt động phát triển thủy điện, khai thác nguồn nước trên các lưu vực sông quốc tế, kịp thời có giải pháp thích ứng, chủ động trong mọi tình huống”⁽³⁾. Thời gian qua, Việt Nam đã và đang đẩy mạnh hợp tác với các nước trong khu vực sông Mê Kông. Đặc biệt là Hiệp định Mê Kông năm 1995, nhằm giải quyết các vấn đề về tài nguyên nước hạ du sông Mê Kông. 4 nước (Lào, Việt Nam, Thái Lan, Campuchia) đã hợp tác cùng nhau khai thác, chia sẻ nguồn nước sông Mê Kông. Ngoài ra, Việt Nam cũng đã tham gia Công ước về việc sử dụng nguồn nước cho các mục đích phi giao thông thủy. Theo đó, Việt Nam là thành viên thứ 35 tham gia công ước để đảm bảo công ước có hiệu lực. Triển khai công ước này, có rất nhiều nội dung cần phải thực hiện để đảm bảo được sử dụng các nguồn nước cho mục đích phi giao thông thủy giữa các quốc gia có chung nguồn nước, đảm bảo hài hòa

được lợi ích công bằng, chia sẻ giữa các nước thượng du và hạ du. Thời gian tới, Việt Nam sẽ nỗ lực tìm kiếm cũng như tăng cường hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế có quan tâm đến vấn đề nguồn nước của Việt Nam với mục tiêu cao nhất là đảm bảo được nguồn nước Việt Nam đáp ứng các yêu cầu về nguồn, chất lượng cũng như trữ lượng để hướng tới mục tiêu thiên niên kỷ.

Sau khi nêu bật kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, Đại hội XIII cũng thẳng thắn chỉ ra các hạn chế, yếu kém, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, trong đó, về các vấn đề xã hội, môi trường, Đại hội chỉ ra rằng “ANNN chưa được quan tâm đúng mức”⁽⁴⁾. Trên cơ sở đó đề ra nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025 là “Bảo đảm ANNN, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước, đặc biệt là nguồn nước ngọt; đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia thượng nguồn và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước ở lưu vực các dòng sông xuyên biên giới, nhất là sông Mê Kông và sông Hồng”⁽⁵⁾.

Như vậy, ANNN được Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thể hiện rõ nét cả trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030; về những nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ Đại hội XIII và trong nhiều nội dung quan trọng khác. Có tới 6 lần, Văn kiện Đại hội nhắc tới cụm từ “ANNN”. Điều này không chỉ thể hiện quyết tâm chính trị của Đảng trong việc bảo đảm ANNN trong bối cảnh mới mà quan trọng hơn là từng bước làm cho vấn đề ANNN được lan tỏa trong toàn xã hội.

Thế giới đang trải qua một thời kỳ có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp và khó lường. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh kiểm chế lẫn nhau quyết liệt, giành vị thế và lợi ích gây ra tình hình phức tạp tại nhiều khu vực và nhiều nước. Xung đột dân tộc, tôn giáo, khủng bố quốc tế, chiến tranh cục bộ, chiến tranh kinh tế, chiến tranh mạng, các hoạt động can thiệp, lật đổ, bất tuân dân sự, tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ, tài nguyên... diễn ra dưới những hình thức mới, gay gắt hơn. Những vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống như: an ninh lương thực, an ninh năng lượng, ANNN, an ninh tài chính, an ninh mạng, BĐKH, thiên tai, dịch bệnh... diễn biến nghiêm trọng. Ở trong nước, qua 37 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 32 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng



▲ Hội nghị cấp cao lần thứ 4 Ủy hội sông Mê Kông quốc tế với chủ đề “Đổi mới và hợp tác nhằm bảo đảm ANNN và sự phát triển bền vững của lưu vực sông Mê Kông”, tại Lào (tháng 4/2023)

Việt Nam. Những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ Đại hội XIII có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ tạo được dấu ấn nổi bật, mà còn góp phần củng cố niềm tin, tạo ra động lực mới, khí thế mới để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vững vàng vượt qua khó khăn, thách thức, tận dụng thời cơ, thuận lợi, đưa đất nước bước vào một thời kỳ phát triển mới. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những khó khăn, thách thức như: nền kinh tế phát triển chưa bền vững, thách thức mới do tác động của đại dịch Covid-19 và khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây ra... Do đó, để đảm bảo quản lý, sử dụng nước bền vững trong thời gian tới cần tập trung vào các giải pháp như:

Một là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, toàn diện bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ cho quản lý tài nguyên nước; hoàn thiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn về chất lượng nước, nhất là nước phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp; quy định về hành lang thoát, xả lũ.

Hai là, tập trung rà soát, bổ sung xây dựng và phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước quốc gia, quy hoạch hệ thống thủy lợi quốc gia, hệ thống đê điều quốc gia; xây dựng chiến lược bảo đảm ANNN đến năm 2045 và tầm nhìn đến cuối thế kỷ XXI.

Ba là, nghiên cứu, đề xuất các phương án thực hiện liên thông giữa các hồ, công trình thủy lợi ở từng địa phương, tiến tới khu vực, vùng miền và toàn quốc để tạo ra mạng lưới thủy lợi quốc gia trong tương lai. Đồng thời, chủ động phân phối nước, đưa nước từ nơi thừa sang nơi thiếu, chủ động tiêu thoát nước, xả lũ, ngăn mặn, giữ ngọt và nạo vét, khai thông, xây dựng các ao, hồ, đập, sông, suối, các kênh, rạch để có thể trữ nước ngọt.

Bốn là, tiếp tục nâng cao trách nhiệm và tăng cường phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương trong quản lý Nhà nước về ANNN, an toàn hồ đập, tránh chồng chéo; rà soát lại việc phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương về quản lý nguồn nước và an toàn hồ đập; tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức cho người dân, doanh nghiệp và cả hệ thống chính trị đối với vấn đề bảo đảm ANNN, an toàn hồ đập.

Năm là, tăng cường quan hệ quốc tế với các tổ chức quốc tế, các nước trong khu vực, ký kết và tổ chức thực hiện các hiệp định để BVMT, bảo vệ các lưu vực sông, phối hợp, điều hòa nguồn nước hợp lý, hạn chế ở mức cao nhất sự tác động của con người vào tự nhiên...■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội - 2021, tập 1, tr. 52.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội - 2021, tập 1, tr. 153.
3. Kết luận số 36/KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm ANNN và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội - 2021, tập 2, tr. 74.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội - 2021, tập 2, tr. 143.